

Số: /2025/NQ-HĐND

Đồng Nai, ngày tháng năm 2025

Dự thảo lần 3

NGHỊ QUYẾT

**Quy định chính sách hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực
phục vụ Cảng hàng không quốc tế Long Thành giai đoạn 2026 - 2030
trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15
được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13 đã được sửa đổi, bổ
sung một số điều theo Luật số 32/2013/QH13, Luật số 74/2014/QH13, Luật số
97/2015/QH13 và Luật số 34/2018/QH14;*

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp 74/2014/QH13;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

*Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị
định số 187/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện
pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 116/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của
Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối
với sinh viên sư phạm;*

*Căn cứ Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2025 của
Chính phủ Quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ và
giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;*

*Căn cứ Quyết định số 586/QĐ-TTg ngày 03 tháng 7 năm 2024 của Thủ
tướng Chính phủ Phê duyệt Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021-2030, tầm
nhìn đến năm 2050;*

*Căn cứ Quyết định số 29/2025/QĐ-TTg ngày 22 tháng 8 năm 2025 của
Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với học sinh, sinh viên, học viên thạc sĩ,
nghiên cứu sinh học các ngành khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán;*

*Xét Tờ trình số/TTr-UBND ngày ... tháng ... năm 2025 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về việc dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đào tạo
nguồn nhân lực phục vụ Cảng hàng không quốc tế Long Thành giai đoạn 2026-
2030 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội
Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh
tại kỳ họp;*

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực phục vụ Cảng hàng không quốc tế Long Thành giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai”.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực phục vụ trong Cảng hàng không quốc tế Long Thành giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, gồm:

a) Lĩnh vực đào tạo nhân lực phục vụ trong Cảng hàng không quốc tế Long Thành, gồm các lĩnh vực: Lĩnh vực cảng hàng không; lĩnh vực quản lý bay; lĩnh vực vận tải hàng không; lĩnh vực cung cấp dịch vụ hàng không; lĩnh vực cảng vụ hàng không (*Đính kèm Phụ lục I: Danh mục ngành học trình độ cao đẳng, đại học*).

b) Cơ sở đào tạo: Trường đại học, trường cao đẳng có ngành nghề đang đào tạo hoặc liên kết đào tạo liên quan đến chuyên ngành hàng không, cũng như đào tạo nhóm ngành nghề quy định thuộc các lĩnh vực nêu trên.

2. Đối tượng áp dụng

a) Nhóm 1: Ưu tiên hộ gia đình có đất bị thu hồi, gia đình có công với cách mạng, hộ nghèo và cận nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều của tỉnh Đồng Nai), học sinh tốt nghiệp trường phổ thông dân tộc nội trú hoặc dân tộc thiểu số (theo Quyết định của cơ quan có thẩm quyền), thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an đang thường trú trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

b) Nhóm 2: Công dân sinh sống ổn định, lâu dài và đã được đăng ký thường trú trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Chính sách hỗ trợ

1. Chính sách hỗ trợ học phí và sinh hoạt phí theo phương thức giao nhiệm vụ, đặt hàng đào tạo

a) Mức hỗ trợ học phí nhóm 1 và nhóm 2: Vận dụng thực hiện chính sách hỗ trợ học phí theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ Quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo, cụ thể:

- Trình độ cao đẳng: Vận dụng thực hiện tại điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 9 và Điều 27 (đối với giáo dục nghề nghiệp) Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ, (*đính kèm Phụ lục II: Mức trần học phí đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên, mức học phí tối đa không quá 02 lần so với mức học phí quy định tại điểm a khoản 1 Điều 9 của năm học 2026 - 2027*).

- Trình độ đại học: Vận dụng thực hiện tại điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 10 và Điều 27 (đối với giáo dục đại học) Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ (*đính kèm Phụ lục III: Mức trần học phí đối với các cơ sở giáo dục đại học công lập tự đảm bảo chi thường xuyên, mức học phí được*

xác định tối đa không quá 02 lần mức trần học phí quy định tại điểm a khoản 1 Điều 10 của năm học 2026 - 2027, tương ứng với từng khối ngành và từng năm học).

b) Hỗ trợ sinh hoạt phí: Học sinh, sinh viên, người lao động thuộc đối tượng ưu tiên nhóm 1 được Nhà nước hỗ trợ 3,63 triệu đồng/tháng, căn cứ vận dụng thực hiện chính sách hỗ trợ sinh hoạt phí theo điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 4 Nghị định số 116/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với sinh viên sư phạm. Trường hợp đã được hỗ trợ học phí đào tạo và chi phí sinh hoạt từ các chương trình, dự án khác của Nhà nước thì không được hưởng chính sách này.

c) Điều kiện thực hiện giao nhiệm vụ, đặt hàng đào tạo: Các trường đại học, trường cao đẳng trên địa bàn tỉnh, đạt kiểm định chất lượng đào tạo hoặc chương trình đào tạo đạt kiểm định chất lượng của cơ quan có thẩm quyền công nhận theo quy định của Nhà nước và có hợp đồng cam kết đầu ra với doanh nghiệp tuyển dụng vào làm việc tại Cảng hàng không quốc tế Long Thành.

d) Phương án thực hiện: UBND tỉnh giao cơ quan chuyên môn Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện đặt hàng đào tạo thông qua hợp đồng theo quy định.

2. Chính sách hỗ trợ vốn vay và lãi suất cho vay đối với học sinh, sinh viên, người lao động thu hút vào làm việc ở Cảng hàng không quốc tế Long Thành

a) Đối tượng: Học sinh, sinh viên, người lao động là đối tượng thuộc nhóm 1 hoặc nhóm 2 của Tờ trình này (không phải là đối tượng theo phương thức giao nhiệm vụ, đặt hàng đào tạo tại khoản 1), đang theo học các ngành nghề đào tạo, trình độ đào tạo (theo nhu cầu tuyển dụng của doanh nghiệp hàng không hoạt động trong Cảng hàng không quốc tế Long Thành) tại các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam.

b) Mức vốn cho vay: Vận dụng thực hiện chính sách cho vay theo Điều 7 Quyết định số 29/2025/QĐ-TTg ngày 22/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ. Mức vốn cho vay tối đa đối với 01 người học để hỗ trợ trang trải tiền học phí, tiền sinh hoạt phí và chi phí học tập khác trong thời gian còn lại của khóa học, bao gồm:

- Toàn bộ tiền học phí phải đóng của người học (sau khi trừ các khoản học bổng và hỗ trợ tài chính khác của nhà trường nếu có) theo xác nhận của nhà trường.

- Tiền sinh hoạt phí và chi phí học tập khác tối đa là 05 triệu đồng/tháng.

- Căn cứ vào mức vốn cho vay tối đa đối với 01 người học, Ngân hàng Chính sách xã hội thỏa thuận thống nhất với khách hàng vay vốn để xem xét, quyết định mức vốn cho vay cụ thể đối với từng người học.

c) Lãi suất cho vay: Lãi suất cho vay là 4,8%/năm.

d) Phương án cho vay: Nguồn ngân sách tỉnh ủy thác qua Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh thực hiện theo quy định.

e) Các nội dung về hồ sơ vay vốn, quy trình, thủ tục cho vay và các nội dung khác: áp dụng theo quy định hiện hành của Ngân hàng chính sách xã hội đối với chương trình cho vay học sinh, sinh viên, học viên thạc sĩ, nghiên cứu sinh theo Quyết định số 29/2025/QĐ-TTg ngày 28/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ.

3. Chính sách thu hút học sinh, sinh viên, người lao động vào làm việc ở Cảng hàng không quốc tế Long Thành

a) Học sinh, sinh viên, người lao động đi học trình độ cao đẳng hoặc đại học, sinh sống ổn định, lâu dài và đã được đăng ký thường trú trên địa bàn tỉnh không vay từ Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh.

- Mức hỗ trợ học phí: Bằng với mức hỗ trợ học phí đặt hàng đào tạo tại điểm a khoản 1 Mục III Tờ trình này. Riêng đối tượng ưu tiên nhóm 1 còn được hỗ trợ sinh hoạt phí theo quy định tại điểm b khoản 1 Mục III Tờ trình này.

- Điều kiện: Học sinh, sinh viên, người lao động sau khi tốt nghiệp trình độ cao đẳng hoặc đại học không quá 01 năm kể từ ngày có quyết định công nhận tốt nghiệp hoặc bằng tốt nghiệp của cơ sở đào tạo và được các doanh nghiệp tuyển dụng (*có thời gian hợp đồng lao động từ 36 tháng trở lên kể từ ngày ký*) vào làm việc ở Cảng hàng không quốc tế Long Thành, thì được Nhà nước hỗ trợ chính sách thanh toán 01 hoặc 02 đợt học phí đào tạo trực tiếp cho người học, thông qua tài khoản cá nhân sau khi cung cấp đầy đủ hồ sơ chứng từ, thời gian thanh toán theo hướng dẫn của cơ quan quản lý nhà nước được UBND tỉnh giao thực hiện chính sách.

- Phương án hỗ trợ: UBND tỉnh giao cơ quan chuyên môn Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì thực hiện hỗ trợ theo quy định.

b) Học sinh, sinh viên, người lao động đi học trình độ cao đẳng hoặc đại học sinh sống ổn định, lâu dài và đã được đăng ký thường trú trên địa bàn tỉnh, vay vốn từ Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh.

- Mức hỗ trợ học phí: Bằng với mức hỗ trợ học phí đặt hàng đào tạo theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này. Riêng đối tượng ưu tiên nhóm 1 còn được hỗ trợ sinh hoạt phí theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này và hỗ trợ lãi suất vay theo quy định từ Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh.

- Điều kiện: Học sinh, sinh viên, người lao động sau khi tốt nghiệp trình độ cao đẳng hoặc đại học không quá 01 năm kể từ ngày có quyết định công nhận tốt nghiệp hoặc bằng tốt nghiệp của cơ sở đào tạo và được các doanh nghiệp tuyển dụng (*có thời gian hợp đồng lao động từ 36 tháng trở lên kể từ ngày ký*) vào làm việc ở Cảng hàng không quốc tế Long Thành thì được Nhà nước hỗ trợ thông qua ủy thác tại Ngân hàng chính sách xã hội theo quy định.

- Phương án hỗ trợ: Ngân sách tỉnh ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh thực hiện hỗ trợ theo quy định.

4. Xử lý bồi hoàn kinh phí hỗ trợ

Vận dụng thực hiện theo quy định tại Điều 6, Điều 8 và Điều 9 của Nghị định số 116/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về

chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với sinh viên sư phạm. Trường hợp có thay đổi thì áp dụng quy định văn bản mới.

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện

Nguồn ngân sách địa phương theo phân cấp quản lý ngân sách, nguồn vốn đóng góp của các doanh nghiệp và các nguồn tài chính hợp pháp khác theo quy định.

Điều 4. Thời gian thực hiện

Từ năm học 2026-2027 đến năm học 2030-2031, kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo tính cho kết thúc khóa học tùy theo nghề đào tạo và trình độ cao đẳng hoặc đại học của cơ sở giáo dục.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này, quy định cụ thể về tiêu chí, điều kiện, hồ sơ và thủ tục, phương thức thanh toán được hưởng chính sách hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực phục vụ Cảng hàng không quốc tế Long Thành giai đoạn 2026 - 2030 cho học sinh - sinh viên và người lao động được tuyển dụng vào làm việc tại Cảng hàng không. Hàng năm, đánh giá kết quả thực hiện và báo cáo kết quả tại kỳ họp cuối năm của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân có trách nhiệm giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết theo Luật định.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên vận động tổ chức và nhân dân cùng tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết này, phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng của doanh nghiệp và người dân kiến nghị đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai khóa X, kỳ họp thứ thông qua ngày ... tháng ... năm 2025 và có hiệu lực kể từ ngày ... tháng ... năm 2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội (A+B);
- Văn phòng Chính phủ (A+B);
- Bộ Tài chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Cục KT văn bản và QL xử lý VPHC (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy; Thường trực HĐND tỉnh,
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ban thường trực UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân tỉnh;
- VP.HĐND tỉnh, VP.UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- HĐND, UBND cấp xã;
- Công báo tỉnh;

CHỦ TỊCH

- Báo, Phát thanh và Truyền hình Đồng Nai;
- Lưu: VT, KGVX, (.....bản).

PHỤ LỤC I
DANH MỤC NGÀNH HỌC TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG, ĐẠI HỌC
*(Kèm theo Nghị quyết số/2025/NQ-HĐND ngày tháng năm 2025
của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

STT	TÊN NGÀNH HỌC
1	Kinh tế, Kế toán, Tài chính, Ngân hàng, Kinh doanh, Marketing, Kinh tế quốc tế, Logistics, Thương mại.
2	Luật
3	Ngoại ngữ, Quan hệ quốc tế, Đông phương học
4	Quản trị nhân sự, quản trị nhân lực, Khoa học quản lý, Bảo hộ lao động, An toàn lao động, Bảo hiểm xã hội, Quản trị nhà hàng-khách sạn, Quản trị nhà hàng, Dịch vụ chăm sóc sức khỏe, Du lịch, Quản lý chất lượng, Quản lý hoạt động bay,
5	Toán học, Tin học, Vật lý, Hóa học, Sinh học
6	Sư phạm, Đào tạo huấn luyện.
7	Truyền thông, Khoa học máy tính, Công nghệ thông tin, Trí tuệ nhân tạo, An toàn thông tin, Thông tin – Thư viện, Văn thư lưu trữ
8	Cơ khí, Tự động hoá, Điện công nghiệp , Điện tử công nghiệp , Cơ điện tử , viễn thông, Công nghệ thông tin, Kỹ thuật Điều hoà không khí, Kỹ thuật điện và máy tính , Công nghệ kỹ thuật điện tử, Cơ – nhiệt lạnh, Kỹ thuật nhiệt, Kỹ thuật ô tô, Giao thông, Môi trường
9	Xây dựng, Kỹ thuật xây dựng, Quy hoạch, Cấp thoát nước, Kỹ thuật công nghệ môi trường, Vận hành máy thi công, Cơ giới hóa xây dựng, Sửa chữa thiết bị nặng, Công nghệ hàn, Chế tạo thiết bị cơ khí, lắp đặt thiết bị cơ khí, Bảo trì thiết bị cơ khí, Bảo trì thiết

	bị cơ điện , Thực phẩm, Công nghệ thực phẩm
--	--

PHỤ LỤC II: TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG

Thực hiện tại điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 9 và Điều 27 Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ (đối với giáo dục nghề nghiệp)

(Kèm theo Nghị quyết số /2025/NQ-HĐND ngày tháng năm 2025
của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Nghìn đồng/học sinh, sinh viên/tháng.

TT	Nhóm ngành, nghề đào tạo	Năm học 2026 - 2027 đến năm học 2030 - 2031		
		Năm học 2026 - 2027	Khoản 2 Điều 9	Mức học phí tối đa
1	Khoa học xã hội nhân văn, nghệ thuật, giáo dục và đào tạo, báo chí, thông tin và kinh doanh, quản lý	1.600	02 lần	3.200
2	Khoa học, pháp luật và toán	1.700	02 lần	3.400
3	Kỹ thuật và công nghệ thông tin	2.400	02 lần	4.800
4	Sản xuất, chế biến và xây dựng	2.300	02 lần	4.600
5	Nông, lâm, ngư nghiệp và thú y	1.650	02 lần	3.300
6	Sức khỏe	2.800	02 lần	5.600
7	Dịch vụ, du lịch và môi trường	2.000	02 lần	4.000
8	An ninh, quốc phòng	2.200	02 lần	4.400

Ghi chú: Mức trần học phí đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên, mức học phí tối đa không quá 02 lần so với mức học phí quy định tại điểm a khoản 1 Điều 9 của năm học 2026 - 2027./.

PHỤ LỤC III: TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Thực hiện tại điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 10 và Điều 27 Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ (đối với giáo dục đại học)

(Kèm theo Nghị quyết số /2025/NQ-HĐND ngày tháng năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Nghìn đồng/học sinh, sinh viên/tháng.

TT	Tên ngành	Mã ngành	Năm học 2026 - 2027 đến năm học 2030 - 2031		
			Năm học 2026 - 2027	Khoản 2 Điều 10	Mức học phí tối đa
1	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	714	1.790	02 lần	3.580
2	Nghệ thuật	721	1.710	02 lần	3.420
3	Kinh doanh và quản lý, pháp luật	734, 738	1.790	02 lần	3.580
4	Khoa học sự sống, khoa học tự nhiên	742, 744	1.930	02 lần	3.680
5	Toán, thống kê máy tính, công nghệ thông tin, công nghệ kỹ thuật, kỹ thuật, sản xuất và chế biến, kiến trúc và xây dựng, nông lâm nghiệp và thủy sản, thú y	746, 748, 751, 752, 754, 758, 762, 764	2.090	02 lần	4.180
6	Sức khỏe	772			
6.1	Điều dưỡng - hộ sinh, dinh dưỡng, răng - hàm - mặt (nha khoa), kỹ thuật y học, y tế công cộng, quản lý y tế, khác	77203, 77204, 77205, 77206, 77207, 77208, 77290	2.660	02 lần	5.320
6.2	Dược học, y học	77201, 77202	3.500	02 lần	7.000
7	Nhân văn, khoa học xã hội và hành vi, báo chí và thông tin, dịch vụ xã hội, du lịch, khách sạn, thể dục thể thao, dịch vụ vận tải, môi trường và bảo vệ môi trường	722, 731, 732, 776, 781, 784, 785	1.910	02 lần	2.820
8	Lĩnh vực khác (ngành ghép, liên ngành)	790	Bảng mức trung bình cộng học phí của các ngành nêu trên có trong ngành	02 lần	Theo thực tế sau khi tính trung bình

			ghép, liên ngành		
--	--	--	------------------	--	--

Ghi chú: Mức trần học phí đối với các cơ sở giáo dục đại học công lập tự đảm bảo chi thường xuyên, mức học phí được xác định tối đa không quá 02 lần mức trần học phí quy định tại điểm a khoản 1 Điều 10 của năm học 2026 - 2027, tương ứng với từng khối ngành và từng năm học./.